

*

Số: -KH/ĐU

Quỳ Hợp, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 23/12/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Nghệ An trên địa bàn xã Quỳ Hợp giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 23/12/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo, Đảng ủy UBND xã Quỳ Hợp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã như sau:

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP XÃ QUỲ HỢP

Xã Quỳ Hợp được thành lập trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 đơn vị hành chính (*thị trấn Quỳ Hợp và các xã Châu Đình, Châu Quang, Thọ Hợp (cũ)*). Xã có diện tích tự nhiên là 90,07 km², 54 xóm, bản; có 03 dân tộc anh em Kinh, Thái, Thổ cùng sinh sống, với 8.891 hộ, dân số 36.929 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 38,3%.

Tổng diện tích đất Lâm nghiệp là: 2886,43 ha. Diện tích đất Lâm nghiệp có rừng là 2059,97 ha. Trong đó diện tích rừng tự nhiên là: 1225,27 ha; diện tích rừng trồng là 1275,55 ha; Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 22,87 %.

(Số liệu theo Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Quỳ Hợp về việc Công bố số liệu hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp huyện Quỳ Hợp năm 2024)

Trong năm 2025, công tác phát triển rừng trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện qua các chỉ số tăng trưởng về diện tích rừng trồng mới và sản lượng gỗ khai thác như diện tích rừng trồng mới tăng trưởng ổn định, sản lượng gỗ khai thác tăng cao. Cụ thể:

- Trồng cây phân tán: Trồng được 4.200 cây.
- Khai thác rừng trồng tập trung: 188,6 ha. Sản lượng khai thác rừng trồng: 22.830 m³ (chủ yếu là gỗ keo lai)
- Bảo vệ rừng tự nhiên: 1225,27 ha;
- Chăm sóc rừng trồng chưa thành rừng: 440,85 ha.
- Diện tích rừng trồng đã thành rừng: 834,7 ha
- Các chính sách hỗ trợ phát triển rừng như: Giao khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo nguồn vốn sự nghiệp; Chi trả dịch vụ môi trường rừng ở lưu vực thủy điện Khe Bô; Tiểu dự án 1 – Dự Án 3 theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 và thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) đã góp phần cải thiện thu nhập cho người dân.

Qua những đợt tuyên truyền tại xóm bản, người dân đã được hướng dẫn cụ

thế kỹ thuật trồng rừng, chăm sóc rừng vì vậy rừng trồng của nhân dân phát triển rất tốt. Đến nay trên địa bàn xã không còn diện tích đất trống đồi núi trọc. Nghề trồng rừng đang đem lại giá trị kinh tế cao cho nhân dân. Bên cạnh đó, những vùng rừng đầu nguồn người dân có ý thức tốt trong công tác bảo vệ, khoanh nuôi rừng để giữ nguồn nước sinh hoạt.

Tuy nhiên, lĩnh vực lâm nghiệp còn một số hạn chế như:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lâm nghiệp tuy đã được thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao;

- Suy giảm nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp: Chính sách hỗ trợ cho Cán bộ Lâm nghiệp xã không có từ ngày 01/7/2025 dẫn đến lực lượng đầu mối giữa Kiểm lâm địa bàn và Ban cán sự các xóm bản bị gián đoạn, gây khó khăn trong công tác quản lý và bảo vệ rừng.

- Thiếu sinh kế bền vững cho người dân sống gần rừng: Nhiều hộ dân sống gần rừng phụ thuộc vào tài nguyên rừng do thiếu các mô hình sinh kế thay thế, dẫn đến việc khai thác rừng trái phép.

- Trên địa bàn xã chưa triển khai các biện pháp quản lý rừng bền vững, bao gồm việc cấp chứng chỉ FSC cho rừng trồng, góp phần nâng cao giá trị kinh tế và khả năng tiếp cận thị trường quốc tế

- Một số cơ sở chế biến lâm sản chưa được cấp phép hoạt động nhưng vẫn hoạt động gây khó khăn trong công tác quản lý. Các cơ sở chế biến chưa đầu tư công nghệ cao vào sản xuất, sản phẩm ở mức độ thô nên chưa đem lại hiệu quả kinh tế cao.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; nhằm giữ vững diện tích, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường, duy trì tỷ lệ che phủ, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, gắn với giữ vững quốc phòng, an ninh; đồng thời, là cơ hội để phát huy tiềm năng và khai thác lợi thế từ rừng để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Phát triển lâm nghiệp phải gắn với chủ trương, đường lối của Đảng; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong hoạch định chính sách, đồng thời tạo cơ chế đặc thù, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào giống cây lâm nghiệp chất lượng cao, trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, chế biến - thương mại lâm sản bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành lâm nghiệp.

3. Phát triển lâm nghiệp bền vững trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng kết hợp hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường; đưa lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao. Đổi mới mô hình tăng trưởng từ mở rộng diện tích sang nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng; đẩy mạnh xã hội hóa, phát huy vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân; bảo đảm lợi ích công bằng giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người

dân, nhất là hộ trồng rừng quy mô nhỏ, đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái - văn hóa gắn với bảo tồn tri thức bản địa. Gắn phát triển lâm nghiệp với ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý tài nguyên rừng

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển lâm nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật có sức cạnh tranh cao; quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả diện tích rừng và đất lâm nghiệp; bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; huy động tối đa các nguồn lực xã hội để đầu tư cho phát triển lâm nghiệp, bảo đảm sự tham gia bình đẳng của các thành phần kinh tế; ưu tiên ứng dụng khoa học - công nghệ, đa dạng hóa dịch vụ môi trường rừng để tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt tối thiểu 8,0%/năm.
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 22,87 %; diện tích trồng rừng tối thiểu đạt 180 ha/năm, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ lớn.
- Tăng năng suất rừng trồng đạt bình quân từ 25 - 30 m³/ha/năm; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng bình quân đạt từ 23.000 - 25.000 m³/năm; giá trị rừng trồng nguyên liệu tăng bình quân từ 1,5 - 2 lần/đơn vị diện tích so với giai đoạn 2021 - 2025.
- Phấn đấu cơ bản hoàn thành việc giao đất gắn với giao rừng, cho thuê đất, thuê rừng theo đúng quy hoạch; 100% diện tích rừng có chủ quản lý.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung với cơ cấu cây trồng hợp lý, ưu tiên phát triển rừng trồng gỗ lớn, cây bản địa, đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Phát triển kinh tế dưới tán rừng theo hướng đa giá trị, kết hợp dược liệu, lâm sản ngoài gỗ, du lịch sinh thái, tín chỉ các-bon và các dịch vụ môi trường rừng khác.

- Duy trì độ che phủ rừng ổn định ở mức 22,87 %, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng và phòng hộ, phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên; nghiên cứu chuyển đổi giữa diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên và rừng sản xuất là

rừng trồng nhưng vẫn bảo đảm độ che phủ và phát triển kinh tế rừng, phát huy hiệu quả tối đa giá trị rừng.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và cộng đồng đối với phát triển lâm nghiệp bền vững

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng và Nhân dân về vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Xác định rõ bảo vệ, phát triển rừng là trách nhiệm chính trị thường xuyên, lâu dài.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng; phát huy hệ thống chính trị cơ sở, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động Nhân dân tham gia bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; đa dạng hóa các kênh truyền thông, đặc biệt qua báo chí, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, nhằm lan tỏa tinh thần bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm và quyền lợi của toàn xã hội.

2. Về đổi mới, kiện toàn tổ chức sản xuất và quản lý lâm nghiệp

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về lâm nghiệp; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật nguồn nhân lực lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Hiện đại hóa công tác quản lý và điều hành ngành lâm nghiệp áp dụng quản lý số, truy xuất nguồn gốc, dữ liệu GIS - viễn thám, hệ thống cảnh báo sớm cháy rừng. Phát triển hợp tác xã lâm nghiệp kiểu mới, tổ nhóm cộng đồng, liên kết hộ dân - hợp tác xã - doanh nghiệp, hình thành các chuỗi giá trị gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong chế biến, thương mại lâm sản.

3. Về phát triển sản xuất lâm nghiệp và kinh tế rừng

Rà soát, xây dựng phương án phát triển vùng nguyên liệu gỗ tập trung với cơ cấu cây trồng hợp lý, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ lớn, nâng cao năng suất đạt 25 - 30 m³/ha/năm. Phát triển công nghiệp chế biến sâu, đầu tư công nghệ hiện đại.

Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng lâm nghiệp, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong giai đoạn tới, hoàn thiện hệ thống giao thông

lâm nghiệp nội vùng nguyên liệu, bảo đảm kết nối đồng bộ, thuận lợi cho quản lý, khai thác, vận chuyển và phát triển kinh tế lâm nghiệp hàng hóa.

Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng phòng cháy, chữa cháy rừng hiện đại, đồng bộ, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để chủ động phòng ngừa, kịp thời ứng phó, giảm thiểu thiệt hại.

Rà soát, đánh giá, xác định quy mô vùng trồng lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu và cây đặc sản dưới tán rừng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng. Hình thành các mô hình nông lâm kết hợp, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh thương mại điện tử, xúc tiến thị trường và xây dựng thương hiệu sản phẩm lâm nghiệp.

4. Về quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng

Bảo vệ nghiêm diện tích rừng tự nhiên hiện có, không để suy giảm diện tích, chất lượng rừng; thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp. Tập trung thực hiện các giải pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nuôi dưỡng, làm giàu rừng tự nhiên nhằm nâng cao chất lượng rừng nhất là đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

Tổ chức rà soát, hoàn thiện hồ sơ quản lý rừng theo từng chủ thể; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng theo đúng quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng, bảo đảm 100% diện tích rừng có chủ thể quản lý rõ ràng.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo hướng chủ động, chuyên nghiệp và đa lực lượng. Chính quyền địa phương các cấp giữ vai trò tổ chức, chỉ đạo thống nhất toàn diện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn, chủ trì điều phối lực lượng, phương tiện và bảo đảm các điều kiện cần thiết theo quy định. Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Kiểm lâm trong tham mưu, kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật và trực tiếp tổ chức phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, Quân sự, các chủ rừng trong tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm và huy động lực lượng, phương tiện khi xảy ra cháy rừng. Ưu tiên đầu tư hệ thống quan trắc sớm, thiết bị chữa cháy chuyên dụng và nâng cao năng lực cho lực lượng tại chỗ, bảo đảm xử lý nhanh, giảm thiểu thiệt hại.

Rà soát, đánh giá đầy đủ hiện trạng rừng sản xuất là rừng tự nhiên để có cơ sở điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, bảo đảm cơ cấu ba loại rừng hợp lý; đồng thời, đề xuất, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy vai trò quan trọng của rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong phát triển kinh tế lâm nghiệp, gắn với nâng cao giá trị kinh tế, sinh thái và môi trường.

Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ cao, công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất giống cây lâm nghiệp; ưu tiên các loài cây bản địa, có sức chống chịu cao với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và sâu, bệnh hại.

Ứng dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên để phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ lưu vực, hành lang đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu; xây dựng lực lượng bảo vệ rừng cộng đồng; gắn trách nhiệm của chính quyền cơ sở, đặc biệt là người đứng đầu với kết quả quản lý, bảo vệ rừng.

5. Về phát triển dịch vụ môi trường rừng và thị trường các-bon

Triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm công khai, minh bạch, ưu tiên tái đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng; phát triển các dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon rừng, du lịch sinh thái, xây dựng các dự án các-bon rừng trên địa bàn xã để từng bước tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng, khuyến khích người dân gắn bó với rừng.

6. Về xã hội, sinh kế và giảm nghèo bền vững

Đẩy mạnh đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lâm nghiệp; khuyến khích người dân tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa. Phát triển hợp tác xã, tổ nhóm cộng đồng, mô hình liên kết chuỗi giá trị giữa hộ dân - hợp tác xã - doanh nghiệp; xây dựng các hợp tác xã lâm nghiệp trên địa bàn xã; gắn nhiệm vụ bảo vệ rừng với xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển du lịch cộng đồng.

7. Về cơ chế, chính sách, khoa học - công nghệ và nguồn lực

Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng; khuyến khích tín dụng xanh, chuyển hóa gỗ nhỏ sang gỗ lớn, trồng cây bản địa đa tác dụng và phát triển dược liệu dưới tán rừng; thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng giữa Nhà nước - doanh nghiệp - cộng đồng; lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo, nông thôn mới, dân tộc thiểu số).

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường sử dụng các công nghệ tiên tiến như GIS, viễn thám, IoT, trí tuệ nhân tạo, bấy ảnh trong giám sát tài nguyên rừng. Xây dựng hiện đại hóa, đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu số ngành lâm nghiệp với hệ thống cơ sở dữ liệu lâm nghiệp quốc gia, bảo đảm kết nối, chia sẻ, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy UBND xã chỉ đạo UBND xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai sâu rộng nội

dung Kế hoạch đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Kế hoạch.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với thực tế, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quả Kế hoạch.

3. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 05 NQ/TU.

4. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của mỗi đồng chí Đảng ủy viên trong việc phát triển lâm nghiệp bền vững./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch;
- BTT Ủy ban MTTQVN xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Lưu VP Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trương Thị Giang